

**I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *en, ên, in, un*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *en, ên, in, un*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng vần *en, ên, in, un*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *en, ên, in, un*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *en, ên, in, un* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống cụ thể ở trường học).
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật, sự việc (bác bảo vệ, học sinh, đá bóng,...) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về các tình huống cần nói lời xin lỗi (sơ ý đá quả bóng vào lưng bác bảo vệ).

## II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần *en, ên, in, un*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: *già nua*, *ngắn ngủn*, *cha*,... (*già nua*: quá già và yếu; *ngắn ngủn*: ngắn quá, trông như bị cụt đi; *cha*: cách gọi khác của *bố*, *ba*,...)
- Với địa phương Nam Bộ, chú ý lỗi chính tả (lẫn lộn *en/ eng, un/ ung*) do phát âm phương ngữ.
- Phân biệt rùa và ba ba:
  - + Rùa là con vật có thể sống ở các vùng nước ngọt hoặc mặn; mai cứng, có chia ô; cổ có thể vươn dài ra hoặc thụt sâu vào trong mai; di chuyển chậm chạp.
  - + Ba ba là con vật thường sống ở các vùng nước ngọt (một số loài có thể thích nghi với môi trường nước lợ), có hình dáng giống rùa nhưng mai mềm, không chia ô, mũi dài.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### 1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần *on, ôn, ơn* và tạo tâm thế cho giờ học.

#### 2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời. GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh. (Gợi ý: Cún con chơi ở bãi cỏ, chăm chú nhìn để mèn,...)
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Cún con/ nhìn thấy/ để mèn/ trên tàu lá*.
- GV giới thiệu các vần mới *en, ên, in, un*. Viết tên bài lên bảng.

#### 3. Đọc

##### a. Đọc vần *en, ên, in, un*

- So sánh các vần
  - + GV giới thiệu vần *en, ên, in, un*.
  - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ên, in, un* với *en* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
  - + GV đánh vần mẫu các vần *en, ên, in, un*.
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.
  - + Lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.

- Đọc trơn các vần
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *en*.
  - + HS tháo chữ *e*, ghép *ê* vào để tạo thành *ên*.
  - + HS tháo chữ *ê*, ghép *i* vào để tạo thành *in*.
  - + HS tháo chữ *i*, ghép *u* vào để tạo thành *un*.
- Lớp đọc đồng thanh *en, ên, in, un* một số lần.

#### **b. Đọc tiếng**

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng *mèn*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *mèn*.
  - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *mèn* (*mờ – en – men – huyền – mèn*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *mèn*.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *mèn*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *mèn*.
- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
  - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
  - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
  - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *en, ên, in* hoặc *un*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

#### **c. Đọc từ ngữ**

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *ngọn nến, đèn pin, cùn con*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *ngọn nến*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *ngọn nến* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ên* trong *ngọn nến*, phân tích và đánh vần tiếng *nến*, đọc trơn từ ngữ *ngọn nến*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *đèn pin, cùn con*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

#### d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

#### 4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *en, ên, in, un; ên, ến, pin, cún*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *en, ên, in, un; ên, ến, pin, cún*.
- HS viết 4 vần *en, ên, in, un* và các chữ *ên, ến, pin, cún*. Chú ý liên kết giữa nét thắt của *e, ê*; nét móc trong chữ *i, u* với nét móc trong chữ *n*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

### TIẾT 2

#### 5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *en, ên, in, un*; từ ngữ *ên pin, ến, cún*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

#### 6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn văn vắn. Lưu ý hướng dẫn HS đọc tiếng khó ở trong đoạn như *quen*.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *en, ên, in, un*.
- Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *en, ên, in, un* trong câu đó một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn (mỗi dòng được xem là một câu). Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả câu đó.
- HS trả lời các câu hỏi về nội dung đã đọc: *Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chạy thì với thỏ thì đã thắng? Rùa có dáng vẻ thế nào? Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa? Vì sao tên gọi của con vật trong câu đó có nghĩa là "cha"? Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số? ... (Gợi ý: Trong một câu chuyện, rùa chậm chạp, nhưng khi chạy thì với thỏ thì đã thắng. Rùa có dáng vẻ già nua, ngắn ngủn. Con ba ba, nhìn qua, rất giống rùa. Tên của ba ba cũng có nghĩa là "cha" vì tiếng "cha" đồng nghĩa với "ba", "bố". Tên con vật có chứa chữ số, vì "ba ba" có số 3 hay là số 33,...)*

#### 7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ? Nam có lỗi không? Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào?*

- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên. (Gợi ý: Nam và bạn đá bóng gần cổng trường, quả bóng rơi vào lưng bác bảo vệ. Nam là người có lỗi. Nam phải xin lỗi bác. Có thể xin lỗi như sau: Cháu xin lỗi bác! Lần sau cháu không vô ý như thế nữa!).
- HS chia nhóm, đóng vai tình huống diễn ra giữa Nam và bác bảo vệ: Nam đá bóng vào lưng bác bảo vệ. Bác bảo vệ nhặt quả bóng và nói: Ô! Một quả bóng! Nam nói lời xin lỗi.
- Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.

#### **8. Củng cố**

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *en, ên, in, un* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- HS ôn lại các vần *en, ên, in, un* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.